TOÀ ÁN NHÂN DÂN **H. HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Cửu.

Ông Nguyễn Đình Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự**:**

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đồng Đắc T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2020, quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ D trình bày:***

Bà và ông T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn P, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã và có xô xát nhau; vợ chồng sống ly thân từ hơn một năm nay. Bà xác định

không còn tình cảm gì với ông T nữa, mâu thuẫn thể không hòa giải được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về quan hệ con chung: Bà xác định bà và ông T có 01 con chung tên là Đồng Tiến T1, sinh ngày 13/02/2016. Ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Đồng Đắc T trình bày:***

Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn. Ông xác định trong thời gian chung sống thì giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nên vợ chồng cải vã nhau và vợ chồng sống ly thân đã hơn 01 năm nay. Nay ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông xác định có 01 con chung tên là Đồng Tiến T1, sinh ngày 13/02/2016. Ly hôn, ông có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Bản sao trích lục kết hôn; Trích lục khai sinh của con chung; bản sao CMND của nguyên đơn; bản sao Sổ hộ khẩu; bản tự khai của nguyên đơn và bị đơn; biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án, đơn xác nhận nơi làm việc của nguyên đơn, đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ D và áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình xử cho bà Lê Thị Mỹ D được ly hôn ông Đồng Đắc

T. Về con chung: Giao con chung Đồng Tiến T1, sinh ngày 13/02/2016 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung bà D và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí HNGĐST bà D phải chịu theo quy định của pháp luật, án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ D khởi kiện bị đơn là ông Đồng Đắc T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Hòa Vang. Do vậy, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX T hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Lê Thị Mỹ D và ông Đồng Đắc T xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hội đủ các điều kiện do Luật Hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Lê Thị Mỹ D và ông Đồng Đắc T đều xác định quá trình chung sống thì hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vả xô xát với nhau; vợ chồng sống ly thân từ hơn một năm nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà D được ly hôn đối với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ D và ông Đồng Đắc T xác định 01 con chung tên là Đồng Tiến T1, sinh ngày 13/02/2016. Bà D và ông T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu được nuôi con là nguyện vọng chính đáng của các bên đương sự, tuy nhiên hiện nay con chung còn nhỏ và từ trước tới nay đều do bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà D có công việc, nơi ở ổn định nên HĐXX thấy rằng cần giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là

đảm bảo cho sự ổn định tâm lý, sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của con chung. Ông T không trực tiếp nuôi con, hiện nay cũng có thu nhập ổn định nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp. Các bên đương sự vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* bà Lê Thị Mỹ D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* ông Đồng Đắc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ D đối với ông Đồng Đắc T về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Mỹ D được ly hôn ông Đồng Đắc T.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Đồng Tiến T1, sinh ngày 13/02/2016 cho bà Lê Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đồng Đắc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (18 tuổi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo

mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* bà Lê Thị Mỹ D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0275 ngày 19/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Mỹ D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* ông Đồng Đắc T phải chịu.

4. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Nhơn
(Số ĐKKH: 110 ngày 21/10/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Anh Tuấn